TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 11 /2025/ HNGĐ-ST**
**Ngày: 07 - 01 -2025**
**"V/v Ly hôn giữa chị H và anh M"**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **TRẦN TÚ ANH**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Bích H,** sinh năm 1990.
Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Định.

*2. Bị đơn:* Anh **Trương Văn M**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( Chị H, anh M xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Ngô Thị Bích H trình bày:*** Chị và anh M tiến đến hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh M đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay.

Con chung: có 01 con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 18/7/2010, hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Chị H xác định không còn tình cảm gì với anh M nên yêu cầu ly hôn anh M. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

***- Bị đơn anh Trương Văn M tại tờ tự khai trình bày:*** Anh đồng ý ly hôn với anh chị H. Con chung đồng ý để chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh M, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Thị Bích H và anh Trương Văn M đều có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm, không thể đến Tòa án nhiều lần. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh M tiến đến hôn nhân năm 2018 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường hay cãi nhau. Chị H xác định không còn tình cảm với anh M nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh M cũng có bản tự khai đồng ý ly hôn với chị H. Toà án cũng tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng cả hai anh chị không đồng ý hoà giải và có đơn xin vắng mặt. Từ đó cho thấy anh chị không thiết tha hàn gắn với nhau, mâu thuẩn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân

không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn với anh M là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 18/7/2010, hiện đang sống cùng chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, con chung được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ trước đến giờ cháu vẫn phát triển bình thường. Còn anh M cũng đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi, bản thân cháu N cũng có nguyện vọng sống cùng chị H. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, tôn trọng nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu, anh M không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị Bích H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Bích H được ly hôn với anh Trương Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 18/7/2010 cho chị Ngô Thị Bích H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Bích H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015831 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**